TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 08 - 2022
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Lê Văn Được

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1981 (có đơn xin xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2022, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Võ Thị Bích T trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2003 chị T và anh Nguyễn Chí T tự nguyện xác lập hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất hòa, cải vả những việc trong gia đình và anh T hay uống rượu với bạn bè bên ngoài không lo gia đình, chị T có khuyên để anh T thay đổi tính tình cùng làm lo gia đình nhưng tính tình anh T không thay đổi mà nhiều lần uống rượu về nhà vô cớ xúc phạm, đánh và đuổi chị đi, do đó tháng 12/2010 chị T về nhà cha mẹ ruột sống, không hàn gắn

lại. Nay chị T thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

- Về con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/10/2004, Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2006, chị T yêu cầu được nuôi các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Nguyễn Chí T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh T có lời khai như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa anh và chị T có mâu thuẫn cải vả qua lại nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ khoảng năm 2011 đến nay. Sau khi sống riêng giữa anh và chị T không còn quan tâm, không tạo điều kiện hàn gắn lại, do đó anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/10/2004, Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2006, hiện chị T đang nuôi nên đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh T đồng ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Anh T không có yêu cầu khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và xét thấy việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Tiền được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị giao chị Tiền được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/10/2004, Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2006 theo nguyện vọng của con; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xét; Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Chí T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Võ Thị Bích T tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Nguyễn Chí T; địa chỉ ấp T, xã M, huyện C nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Võ Thị Bích T và anh Nguyễn Chí T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh T bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về cách ứng xử và tình cảm, không hòa thuận được nên anh chị không còn chung sống với nhau khoảng cuối năm 2010 đến nay. Xét thấy, sau khi chị T và anh T không còn chung sống với nhau thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị T và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Tâm đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Bích T.

[4] Về quyền nuôi con: Giữa chị T và anh T có hai người con tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/10/2004, Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2006. Xét thấy, Nguyễn Chí L và Nguyễn Thị Thùy D có nguyện vọng sống chung với mẹ và chị T yêu cầu được nuôi các con, anh T thỏa thuận để chị T được quyền nuôi con, anh không tranh chấp.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung tên Nguyễn Chí L và Nguyễn Thị Thùy D cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con theo nguyện vọng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị T và anh T không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị T phải nộp 300.000 đồng.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Cho Võ Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

- Về quyền nuôi con: Giao chị Võ Thị Bích T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/10/2004, Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/10/2006.

Anh Nguyễn Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010887 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa